

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 669/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12/8/2022
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Huy Vũ**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Toàn.

2. Ông Nguyễn Hoàng Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bế Thị Huệ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Phượng Tuyền** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 508/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Kim X**, sinh năm: 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TP2, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Dương Văn T**, sinh năm: 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TP, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Võ Kim X trình bày: Bà và ông Dương Văn T chung sống vào năm 2007, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp, vợ chồng đã cố hàn gắn nhưng không được nên ông bà ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho bà ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 01 con tên Dương Thế K, sinh ngày 13/02/2008. Khi ly hôn, bà X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Dương Văn T vắng mặt dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Tại phiên tòa, bà X vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như đã trình bày trước đây. Ông T đồng ý ly hôn, các vấn đề khác thì thống nhất với bà X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Đường sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Do bà X, ông T có mâu thuẫn kéo dài, ly thân từ đầu năm 2022 mà không có biện pháp hàn gắn tình cảm, ông T cũng đồng ý ly hôn nên cần cho bà X ly hôn với ông T. Tuy nhiên, do bà X và ông T không có đăng ký kết hôn nên cần không công nhận quan hệ giữa bà X và ông T là vợ chồng. Về con chung: Do cháu K được bà X nuôi dưỡng sau khi ông bà ly thân, bà X có nơi ở và thu nhập ổn định, cháu K có nguyện vọng được sống với mẹ và ông T cũng đồng ý nên cần giao cháu K cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng, tránh làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng không tốt tới sự phát triển tâm sinh lý của cháu. Tại phiên tòa, bà X không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Võ Kim X khởi kiện ông Dương Văn T yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà X và ông T là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về hôn nhân: Bà Võ Kim X và ông Dương Văn T chung sống với nhau vào năm 2007, không có đăng ký kết hôn. Theo bà X và ông T thì vợ chồng chung sống với nhau có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được và đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nay, bà X xin ly hôn, ông T đồng ý.

Xét thấy, bà X và ông T chung sống với nhau như vợ chồng, đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn, sau khi về chung sống ông bà cũng không đi đăng ký kết hôn cho đến nay, vì vậy việc sống chung của ông bà không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều

53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà X và ông T.

[3] Về con chung: Bà X và ông T có 01 con chung tên Dương Thế K, sinh ngày 13/02/2008. Khi ly hôn, bà X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu K do bà X trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ông bà ly thân, bà X có nơi ở và thu nhập ổn định, cháu K có nguyện vọng được sống với mẹ, đồng thời ông T cũng đồng ý giao con cho bà X nuôi dưỡng nên cần giao cháu K cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng, tránh làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng không tốt tới sự phát triển tâm sinh lý của cháu. Bà X không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Từ phân tích trên, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Kim X.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Võ Kim X và ông Dương Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Thế K, sinh ngày 13/02/2008 cho bà Võ Kim X là người trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

3. Về án phí: Bà Võ Kim X phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0020627 ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong.

4. Về quyền kháng cáo: Dương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

ĐÃ KÝ

Lê Huy Vũ